

Số: 34/2018/HSST

Ngày: 24/5/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Nam Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Tấn – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 02 tháng 05 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HS ngày 08/05/2018 đối với các bị cáo:

1. Hồ Thái S, giới tính: Nam; sinh năm: 1991; tại Tỉnh Hòa Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Xuân T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thành T, giới tính: Nam; sinh năm: 1995; tại: Tỉnh Hòa Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm D, xã E, huyện F, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1974; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Ngọc A và con Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn M, giới tính: Nam; sinh năm: 1996; tại: Tỉnh Hòa Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm G, xã H, huyện I, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ; tiền sự:

Không; tiền án: Ngày 14/01/2016 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; nhân thân: Ngày 03/4/2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hòa Bình xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh **Đặng Đình D**, sinh năm: 1991; địa chỉ: đường L, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Nguyễn Xuân C**, sinh năm: 1990; địa chỉ liên hệ: đường O, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Thái S, Nguyễn Văn M và Nguyễn Thành T là bạn bè cùng quê, quen biết nhau từ trước, cả ba vào Thành phố Hồ Chí Minh sống, cư trú ở nhiều nơi nhưng không đăng ký tạm trú. Do không có việc làm nên không có tiền tiêu xài, vì vậy khoảng 21 giờ 00 ngày 03/12/2017, S, M và T cùng rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài. Sau đó, S mượn xe máy Honda Wave ZX biển số 37L6-7498 của chị Nguyễn Thị Thu T1 (là bạn ở cùng chung cư với S) đưa cho T điều khiển chở S và M đến đường Trần Nỗ ăn hủ tiếu. Lúc này, S thấy trên đường có nhiều xe ôm Grab bike lưu thông nên nói với M và T là cướp xe máy Grab thì tất cả đồng ý. S nói T chở S và M đến bãi đất trống ngã ba đường Trần Lưu - Vũ Tông Phan, khu phố 5, phường An Phú, Quận 2 rồi T tháo biển số chiếc xe Wave ra cất giấu dưới yên xe nhằm tránh bị phát hiện và để M ở lại chờ, còn T chở S đến đường X, phường Y, Quận Z đứng đón xe máy Grab, rồi T điều khiển xe máy Wave quay lại chỗ M cùng đợi S. S đứng chờ đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 4/12/2017 thì có 01 người thanh niên (không rõ nhân thân) điều khiển xe máy Grab chạy ngang qua, S đón lại nhưng do người này đã có hẹn với khách hàng khác nên không chờ S và đã dùng điện thoại của mình đặt dùm cho S 01 xe máy Grab khác. Khoảng 02 phút sau thì anh Đặng Đình D là tài xế xe máy Grab điều khiển xe Honda Airblade biển số 99E1-292.60 đến đón S để chở về chung cư Bình Khánh với giá 27.000 đồng. Khi đi được một đoạn, S yêu cầu anh D chở về hướng phường An Phú để gặp bạn, anh D nói giá 40.000 đồng thì S đồng ý và chỉ đường cho anh D điều khiển xe chạy đến địa điểm có T và M đợi sẵn. Khi anh D chở S đến ngã ba đường Trần Lưu - Vũ Tông Phan, cách chỗ M và T ngồi khoảng 02 mét thì S yêu cầu dừng xe, S dùng tay ôm chặt 02 tay anh D lại, cùng lúc đó M và T chạy lại dùng tay đánh vào người anh D, còn S cũng dùng tay phải đâm vào lưng anh D làm anh D và xe ngã xuống đường nhưng không gây thương tích gì. Anh D đã bỏ chạy và truy hô “Cướp cướp” để lại xe máy Honda Airblade biển số 99E1-292.60 và làm rơi một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J 7 Pro xuống đường. Chạy được một đoạn anh D dùng đá ném trả lại nhưng không trúng ai, lúc này T lấy điện thoại Samsung J7 Pro và xe máy của anh D tẩu thoát về hướng Cục thuế Thành

Phổ, còn S và M chạy lại chiếc xe Honda Wave ZX biển số 37L6-7498 định nổ máy bỏ chạy nhưng do T giữ chìa khóa nên M và S đẩy bộ xe máy về hướng đường K thì bỏ xe Wave lại và chạy bộ vào một con hẻm ra đường đón taxi về Chung cư X, T cũng quay về đây để thay quần áo. Sau đó, T điều khiển xe máy cướp được chở S và M đến thuê khách sạn trên đường Y ngủ qua đêm, trên đường đi thì T có tháo biển số xe cướp được cất giấu dưới yên xe nhằm tránh bị phát hiện. Đến khoảng 11 giờ 00, ngày 04/12/2017, T và S đem chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro đến bán cho anh Nguyễn Xuân C là chủ cửa hàng Z được 3.200.000 đồng về trả tiền khách sạn và tiêu xài hết 1.700.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng S cất giữ. Sau đó, cả ba mang xe máy cướp được đến quán cơm của anh Nguyễn Châu M là người quen biết với S ăn cơm trưa xong thì S gửi xe máy này lại cho anh M và nói là đi công tác mấy ngày rồi về lấy xe. Sau khi bị cướp xe anh D đã đến Công an phường trình báo.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 2 đã khám nghiệm hiện trường và tiến hành truy xét đến khoảng 16 giờ, ngày 04/12/2017, phát hiện S, M và T về chung cư X nên tiến hành mời về làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 2, Hồ Thái S, Nguyễn Văn M và Nguyễn Thành T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 28 HĐĐGTS-TCKH ngày 11/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 2 kết luận thì tổng trị giá tài sản mà S, M và T chiếm đoạt là 39.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe máy Honda Airblade, biển số 99E1-292.60;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng;
- 01 mũ bảo hiểm màu xanh, có sọc trắng hai bên, có chữ “Grab”;
- 01 xe máy hiệu honda Wave ZX, biển số 37L6-7498;
- 01 mũ bảo hiểm màu đen (thu giữ của Hồ Thái S).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Đình D đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, các bị cáo đồng ý với các kết luận giám định và không có ý kiến gì khác. Đối với việc xử lý vật chứng của vụ án, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật và không có ý kiến gì thêm.

Bản Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 đã truy tố các bị cáo Hồ Thái S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành T về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực uy hiếp tinh thần đối với anh Đặng Đình D để chiếm đoạt 01 (một) xe Honda Airblade biển số 99E1-292.60 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 39.500.000 đồng. Hành vi phạm

tội nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản” , tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cần phải xử lý trước pháp luật để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Vụ án có đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Đối với bị cáo M đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo M.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo S, M, T thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Riêng bị cáo S và T phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo S, T một phần hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thái S từ 03 năm đến 04 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Thành T từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Bị cáo Nguyễn Văn M từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng:

Bị cáo S: Bị cáo đã rất ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T: Bị cáo nhận thức được sai lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo M: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi:

Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Hồ Thái S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành T đã thừa nhận cùng với đồng bọn thực hiện hành vi dùng vũ lực đối với bị hại để cướp tài sản như cáo trạng đã nêu.

Lời khai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản định giá tài sản, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng ... và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Hồ Thái S, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành T đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 như kết luận của Kiểm sát viên.

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Vụ án có đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S đóng vai trò là người rủ rê, lôi kéo. Đối với hai bị cáo còn lại là đồng phạm giúp sức tích cực và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây nguy hiểm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người bị hại, gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo còn rất trẻ, có sức khỏe đủ điều kiện để trở thành người có ích cho xã hội, nhưng chỉ vì muốn có tiền mà không phải lao động, thích hưởng thụ các bị cáo đã dùng vũ lực đối với bị hại làm họ lâm vào tình trạng không kháng cự được để chiếm đoạt tài sản của họ, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 truy tố các bị cáo theo Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần phải có một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng định khung hình phạt:

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng định khung hình phạt nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo M đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới. Do đó cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo M khi lượng hình.

Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo S, M, T thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Riêng bị cáo S và T phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo S, T một phần hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 xe máy Honda Airblade, biển số 99E1-292.60; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu vàng; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, có sọc trắng hai bên, có chữ “Grab” là tài sản của anh Đặng Đình D. Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với: 01 xe máy hiệu honda Wave ZX, biển số 37L6-7498. Qua xác minh xe này của chị Nguyễn Thị Thu T1. Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đen thu giữ của Hồ Thái S. Xét không liên quan đến vụ án, không còn giá trị sử dụng và bị cáo có đề nghị tịch thu tiêu hủy nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C đã nhận lại số tiền 3.200.000 đồng là số tiền anh bỏ ra để mua lại điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Thời điểm mua điện thoại của các bị cáo, anh C cũng không biết điện thoại là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với anh C.

Chị Nguyễn Thị Thu T1 có cho bị cáo S mượn xe máy hiệu honda Wave ZX, biển số 37L6-7498, tuy nhiên chị T1 không biết S dùng xe này để phạm tội nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với chị T1.

Đối với anh Nguyễn Châu M không biết tài sản là do S, T, M phạm tội mà có nên không xử lý về hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Hồ Thái S, Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn M** phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo **Hồ Thái S** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

2. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen . (Theo quyết định chuyên vật chứng số 15/QĐ-VKS ngày 19/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2).

3. *Về án phí*: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- PC53-Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Thi hành án Dân sự Quận 2;
- Công an Quận 2;
- Thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đoàn Nam Hà